

Số: 14/2025/CV-PGN

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) soát xét 6 tháng năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Phụ Gia Nhựa

- Mã chứng khoán: PGN

- Địa chỉ: Thôn Minh Quyết, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Điện thoại liên hệ: 02113 717108

- Email: trandangcong2082@gmail.com Website: <https://pgn.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC soát xét 6 tháng năm 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thộc diện phải giải trình nguyên nhân

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/ được kiểm toán):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển lỗ sang hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024)

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước ?

☒ Có

☐

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại ?

☐ Có

☒

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2025 tại đường dẫn: <https://pgn.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/ NGƯỜI UQCBTT

Tài liệu đính kèm:

-BCTC soát xét 6 tháng năm

2025

- Văn bản giải trình



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Đăng Công

Số: 1308/2025/CV- PGN
V/v: Giải trình lợi nhuận 6
tháng năm 2025 giảm so với
cùng kỳ năm trước

Vĩnh Phúc, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm Soát xét 6 tháng năm 2025. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2025 giảm hơn 10% so với 6 tháng năm 2024. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	6 tháng 2025	6 tháng 2024	Tăng /Giảm	% tăng giảm
Doanh thu	68.729.806.313	93.981.054.864	(25.251.248.551)	(26,87%)
Tỉ suất LN gộp	2,21%	9,15%	(6,94%)	(75,84%)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	494.905.186	2.434.669.604	(1.939.764.418)	(79,67%)

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng 2025 giảm 1.939.764.418 đồng, giảm 79,67% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận 6 tháng 2025 giảm là do:

- Thứ 1: Doanh thu Quý 6 tháng 2025 giảm 26,87% so với cùng kỳ năm trước.
- Thứ 2: Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm từ 9,15% xuống 2,21% vào 6 tháng 2025 tương đương mức giảm 75,84% so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình lý do lợi nhuận giảm so với cùng kỳ năm trước của công ty Cổ Phần Phụ Gia Nhựa.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT
- Lưu VT

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Đăng Công

Số: 1408.1/2025/CV- PGN
V/v: Giải trình ý kiến ngoại trừ
của kiểm toán trong BCTC soát
xét bán niên năm 2025

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa xin được giải trình ý kiến ngoại trừ trong báo cáo chính Soát xét bán niên năm 2025 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Uhy như sau:

1. Ý kiến ngoại trừ trong báo cáo chính Soát xét bán niên năm 2025 của Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa:

Cơ sở của ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trích dẫn:

“Chúng tôi không thu thập được đầy đủ hồ sơ liên quan đến việc chuyển nhượng khoản đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa Vĩnh Phúc với giá trị 79.374.310.000 đồng (bằng với giá gốc), số dư phải thu khách hàng tại ngày 30/06/2025 là 79.374.310.000 đồng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về giao dịch này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 của Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán về số liệu BCTC soát xét bán niên năm 2025 của công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa:

“Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

2. Giải trình của Công ty Cổ Phần Phụ Gia Nhựa

Liên quan đến các hồ sơ chuyển nhượng khoản đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa Vĩnh Phúc

Thực hiện theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 6/1/2025, HĐQT đã tiến hành chuyển nhượng khoản đầu tư tại công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc theo Nghị quyết của HĐQT này 17/02/2025. Tuy nhiên, Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa cung cấp được hồ sơ cụ thể đánh giá hiệu quả của khoản đầu tư này. Chúng tôi sẽ bổ sung hồ sơ này trong thời gian sớm nhất.

Trên đây là ý kiến giải trình của công ty Cổ Phần Phụ Gia Nhựa về ý kiến kiểm toán ngoại trừ
Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2025

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT
- Lưu VT

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Đăng Công

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Ngô Hoài Thanh	Chủ tịch	
Ông Trần Đặng Công	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Đặng Phi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/06/2025
Ông Chu Văn Phương	Thành viên	
Ông Trần Tuấn Nghĩa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/06/2025
Ông Đồng Văn Nhất	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2025
Ông Đỗ Huy Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2025

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Đặng Công	Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Hải Hà	Giám đốc sản xuất

Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Việt Oanh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 23/06/2025
Bà Nguyễn Thị Nga	Quyền Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 23/06/2025

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng: không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/06/2025 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Tổ dân phố Minh Quyết, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Đặng Công
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Số: 907/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (Sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14/08/2025, từ trang 06 đến trang 34 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc đưa ra kết luận ngoại trừ

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ hồ sơ liên quan đến việc chuyển nhượng khoản đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa Vĩnh Phúc với giá trị 79.374.310.000 đồng (bằng với giá gốc), số dư phải thu khách hàng tại ngày 30/06/2025 là 79.374.310.000 đồng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về giao dịch này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:
0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155.927.108.225	164.583.126.116
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	266.459.450	2.916.357.009
Tiền	111		266.459.450	2.915.771.431
Các khoản tương đương tiền	112		-	585.578
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.963.135.573	15.401.124.200
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	16.963.135.573	15.401.124.200
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		132.464.435.800	67.862.984.534
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	84.416.646.984	67.445.628.088
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.927.600	304.999.200
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	47.500.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	545.861.216	112.357.246
Hàng tồn kho	140		5.846.405.220	78.225.741.689
Hàng tồn kho	141	9	5.846.405.220	78.225.741.689
Tài sản ngắn hạn khác	150		386.672.182	176.918.684
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	382.334.196	161.430.496
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.942.251	13.718.190
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.395.735	1.769.998
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.110.110.964	27.655.436.136
Các khoản phải thu dài hạn	210		257.600.855	401.201.417
Phải thu dài hạn khác	216	8	257.600.855	401.201.417
Tài sản cố định	220		20.226.170.837	24.610.491.591
Tài sản cố định hữu hình	221	12	18.741.738.501	22.064.344.663
- Nguyên giá	222		31.704.684.296	46.821.896.171
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.962.945.795)	(24.757.551.508)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	1.484.432.336	2.546.146.928
- Nguyên giá	225		2.812.909.091	4.552.909.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.328.476.755)	(2.006.762.163)
Tài sản dở dang dài hạn	240		745.948.500	745.948.500
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		745.948.500	745.948.500
Đầu tư tài chính dài hạn	250		600.000.000	600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	600.000.000	600.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.280.390.772	1.297.794.628
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.280.390.772	1.297.794.628
TỔNG TÀI SẢN	270		179.037.219.189	192.238.562.252


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		70.755.370.056	84.451.618.305
Nợ ngắn hạn	310		70.573.286.156	84.016.298.997
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	24.394.312.308	19.546.583.037
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		110.773.751	110.745.591
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.800.294.961	1.232.912.398
Phải trả người lao động	314		94.828.107	281.662.458
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		292.767.255	932.955.389
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	1.600.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	39.129.736	46.240.740
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	43.197.204.151	61.219.623.497
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		643.975.887	643.975.887
Nợ dài hạn	330		182.083.900	435.319.308
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	93.313
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	182.083.900	435.225.995
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		108.281.849.133	107.786.943.947
Vốn chủ sở hữu	410	17	108.281.849.133	107.786.943.947
Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.648.590.000	94.648.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.648.590.000	94.648.590.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(134.050.000)	(134.050.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.787.063.739	6.787.063.739
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.980.245.394	6.485.340.208
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.485.340.208	5.729.956.254
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		494.905.186	755.383.954
TỔNG NGUỒN VỐN	440		179.037.219.189	192.238.562.252

Phú Thọ, ngày 14 tháng 08 năm 2025


Tổng Giám đốc
Trần Đặng Công

Quyền Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nga

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	68.729.806.313	93.981.054.864
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		68.729.806.313	93.981.054.864
Giá vốn hàng bán	11	19	67.209.728.538	85.378.130.956
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.520.077.775	8.602.923.908
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	691.158.854	458.422.833
Chi phí tài chính	22	21	2.229.424.102	3.199.040.768
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.229.424.102	3.195.102.504
Chi phí bán hàng	25	22	7.245.090	408.165.052
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	1.100.761.753	1.904.755.484
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.126.194.316)	3.549.385.437
Thu nhập khác	31	23	2.769.051.652	-
Chi phí khác	32	24	735.668.676	260.466.875
Lợi nhuận khác	40		2.033.382.976	(260.466.875)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		907.188.660	3.288.918.562
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		412.283.474	854.248.958
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		494.905.186	2.434.669.604
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	52	257

Phủ Thọ, ngày 14 tháng 08 năm 2025



Tổng Giám đốc

Trần Đặng Công

Quyền Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nga

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		907.188.660	3.288.918.562
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.458.251.152	2.201.521.943
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(3.460.210.506)	(424.396.094)
Chi phí lãi vay	06		2.229.424.102	3.195.102.504
Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.134.653.408	8.261.146.915
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.053.347.013)	6.894.640.488
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		72.379.336.469	(6.225.798.805)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9.631.486.587	(4.580.981.661)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(203.499.844)	(137.931.997)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.869.612.236)	(2.858.917.923)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.757.824.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	20		61.019.017.371	(405.667.317)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(40.000.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.411.003.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(49.582.925.346)	(893.689.041)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		520.913.973	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		257.654.884	94.050.576
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45.393.353.489)	(839.638.465)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		55.360.454.321	69.828.738.328
Tiền trả nợ gốc vay	34		(73.299.598.912)	(67.866.077.192)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(336.416.850)	(476.138.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40		(18.275.561.441)	1.486.522.286
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.649.897.559)	241.216.504
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	2.916.357.009	5.680.905.186
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	266.459.450	5.922.121.690

Phủ Thọ, ngày 14 tháng 08 năm 2025



Tổng Giám đốc

Trần Đặng Công

Quyền Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nga

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2500287403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc thay đổi lần 10 ngày 11/03/2024. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 94.648.590.000 đồng, chia thành 9.464.859 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Tổ dân phố Minh Quyết, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Trần Đăng Công.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 04 tháng 07 năm 2019 với mã chứng khoán là PGN.

Số nhân viên Công ty tại ngày 30/06/2025 là 12 người (tại ngày 01/01/2025 là 29 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Dịch vụ lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 KỲ KẾ TOÁN

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp hàng tồn kho lỗi thời, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	10

3.8 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.9 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh trong kỳ.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các năm (05) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các Doanh nghiệp mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.11 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong kỳ tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền, phải thu ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

3.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.13 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	240.488.508	2.867.266.105
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.970.942	48.505.326
- Các khoản tương đương tiền	-	585.578
	266.459.450	2.916.357.009

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Ngắn hạn	16.963.135.573	-	15.401.124.200	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	16.963.135.573	-	15.401.124.200	-
- Dài hạn	600.000.000	-	600.000.000	-
+ Các khoản trái phiếu (**)	600.000.000	-	600.000.000	-
	17.563.135.573	-	16.001.124.200	-

(*) Trong đó, tổng số dư tiền gửi được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các Hợp đồng vay với giá trị là 16.963.135.573 đồng, bao gồm:

- Số dư tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM với tổng giá trị tại ngày 30/06/2025 là 6.100.000.000 đồng, được dùng làm tài sản đảm bảo theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 27631/24MB/HĐTD ngày 10/10/2024 với Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM;
- Số dư tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam với tổng giá trị tại ngày 30/06/2025 là 4.120.328.767 đồng, được dùng làm tài sản đảm bảo theo Hợp đồng tín dụng số SHBHN/HĐTD/790500037395 ngày 13/12/2023 với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Phạm Hùng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Số dư tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với tổng giá trị tại ngày 30/06/2025 là 5.342.806.806 đồng, được dùng làm tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay hạn mức số 01.300113395/2024-HĐCVHM/NHCT246-PGN ngày 28/06/2024 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Vĩnh Phúc.
- Số dư tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong với tổng giá trị tại ngày 30/06/2025 là 1.400.000.000 đồng, được dùng làm tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 471/2024/HDTD/TTKD HO ngày 16/12/2024 với Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

(**) Số dư tại ngày 30/06/2025, bao gồm:

- Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2023 với số lượng trái phiếu sở hữu là 3000 trái phiếu tại ngày 20/07/2023, mệnh giá trái phiếu 100.000 VND, kỳ hạn trái phiếu 10 năm. Lãi suất: Trái phiếu có lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ) và được xác định bằng lãi suất tham chiếu +1,3%/năm. Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ. Ngày phát hành: 20/07/2023, ngày đáo hạn: 20/07/2033. Phương thức thanh toán lãi, gốc: Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi là một ngày tròn năm kể từ ngày phát hành và ngày trả lãi đầu tiên là ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trong năm 2024, riêng tiền lãi cho kỳ thanh toán lãi thứ 10 của Trái phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái phiếu vào ngày đáo hạn. Trừ khi được mua lại trước hạn theo các quy định của các điều khoản và điều kiện của Trái phiếu, các Trái phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá của Trái phiếu đó vào ngày đáo hạn. Trái phiếu này đang được cầm cố tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc.
- Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2020 với số lượng trái phiếu sở hữu là 3000 trái phiếu tại ngày 30/07/2020, mệnh giá trái phiếu 100.000 VND, kỳ hạn trái phiếu 10 năm. Lãi suất: Trái phiếu có lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ) và được xác định bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 1,0%/năm. Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi danh được phát hành theo hình thức ghi sổ. Ngày phát hành: 30/07/2020, ngày đáo hạn: 30/07/2030. Phương thức thanh toán lãi, gốc: Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ một (01) năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu. Nếu trái phiếu 2030 được tổ chức phát hành mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030 thì ngày thanh toán lãi năm thứ 05 (năm) sẽ là ngày thanh toán lãi cuối cùng của trái phiếu 2030 và tiền lãi năm thứ 05 (năm) sẽ được thanh toán cùng tiền gốc trái phiếu 2030 vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030. Nếu ngày thanh toán lãi trái phiếu 2030 và/hoặc ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2030 và/hoặc ngày đáo hạn trái phiếu 2030 và/hoặc ngày đến hạn khác không phải là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Trái phiếu này đang được cầm cố tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
Tổ dân phố Minh Quyết, Phường Vĩnh Phúc,
Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
<i>Chuyển nhượng cổ phần CTCP Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc (*)</i>	84.416.646.984	-	67.445.628.088	-
- Ông Trần Đặng Công	79.374.310.000	-	-	-
- Ông Bùi Huy Quỳnh	32.425.820.000	-	-	-
- Ông Chu Văn Phương	4.500.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Quốc Bình	26.582.160.000	-	-	-
- Bà Ngô Hoài Thanh	6.971.460.000	-	-	-
- Ông Trần Đặng Phi	4.000.000.000	-	-	-
- Ông Trần Tuấn Nghĩa	3.000.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Trọng Cường	1.101.130.000	-	-	-
<i>Các đối tượng khác</i>	793.740.000	-	-	-
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	5.042.336.984	-	67.445.628.088	-
- Công ty CP Đầu tư thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	4.842.320.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần An Tiến Industries	-	-	14.500.294.713	-
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	-	-	2.089.670.400	-
- Công ty CP Công nghệ Biển Đông	32.400.000	-	84.564.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Minh Dương	72.816.000	-	2.615.712.000	-
- Công ty CP Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc	-	-	1.911.360.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	93.936.984	-	45.367.272.200	-
	864.000	-	876.754.775	-
	84.416.646.984	-	67.445.628.088	-
Phải thu khách hàng là bên liên quan	71.983.830.000	-	14.584.858.713	-
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 27)</i>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP)

(*): Khoản phải thu các cá nhân về việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa Vĩnh Phúc

Tổng số cổ phần được chuyển nhượng là 7.937.431 cổ phần, với tổng giá trị chuyển nhượng là 79.374.310.000 đồng, trong đó giá trị chuyển nhượng cho các bên liên quan là 67.109.110.000 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đã thu hồi được 8.250.232.000 đồng tiền chuyển nhượng các khoản đầu tư này.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Ngắn hạn

- Ông Trần Văn Thời (*)
- Bà Nguyễn Thùy Trang (*)
- Ông Lê Văn Hà (*)

30/06/2025		01/01/2025	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
18.000.000.000	-	-	-
18.000.000.000	-	-	-
11.500.000.000	-	-	-
47.500.000.000	-	-	-

(*): Khoản phải thu từ Hợp đồng cho vay với các cá nhân với thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 4,5%/năm. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đã thu hồi toàn bộ gốc và lãi vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
 Tổ dân phố Minh Quyết, Phường Vĩnh Phúc,
 Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	545.861.216	112.357.246
- Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	545.861.216	112.357.246
Dài hạn	257.600.855	401.201.417
- Ký cược, ký quỹ	184.168.800	299.008.800
- Phải thu khác	73.432.055	102.192.617
	803.462.071	513.558.663

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	3.939.159.108	-	40.657.734.186	-
- Thành phẩm	1.907.246.112	-	37.568.007.503	-
	5.846.405.220	-	78.225.741.689	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	382.334.196	161.430.496
- Chi phí mua bảo hiểm	102.028.401	102.741.316
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.067.405	1.958.731
- Các khoản khác	277.238.390	56.730.449
Dài hạn	1.280.390.772	1.297.794.628
- Chi phí đền bù xây dựng	1.076.771.911	1.092.843.133
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	45.381.568	58.411.564
- Chi phí mua bảo hiểm	17.703.291	94.910
- Các khoản khác	140.534.002	146.445.021
	1.662.724.968	1.459.225.124

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	4.552.909.091	4.552.909.091
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.740.000.000)	(1.740.000.000)
30/06/2025	<u>2.812.909.091</u>	<u>2.812.909.091</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2025	2.006.762.163	2.006.762.163
- Khấu hao trong kỳ	246.882.204	246.882.204
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(925.167.612)	(925.167.612)
30/06/2025	<u>1.328.476.755</u>	<u>1.328.476.755</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	<u>2.546.146.928</u>	<u>2.546.146.928</u>
30/06/2025	<u>1.484.432.336</u>	<u>1.484.432.336</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCD HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	20.320.214.327	22.201.243.296	4.040.670.909	259.767.639	46.821.896.171
- Mua trong kỳ	-	285.624.000	-	-	285.624.000
- Mua lại TSCD thuê tài chính	-	1.740.000.000	-	-	1.740.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.926.323.148)	(727.752.727)	-	(10.654.075.875)
- Tài sản mang đi góp vốn	-	(6.488.760.000)	-	-	(6.488.760.000)
30/06/2025	20.320.214.327	7.811.784.148	3.312.918.182	259.767.639	31.704.684.296
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	5.832.053.075	17.287.089.099	1.378.641.695	259.767.639	24.757.551.508
- Khấu hao trong kỳ	419.381.904	603.093.476	188.893.568	-	1.211.368.948
- Khấu hao chuyển từ TSCD thuê tài chính khi mua lại	-	925.167.612	-	-	925.167.612
- Tài sản mang đi góp vốn	-	(3.931.490.908)	-	-	(3.931.490.908)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.456.005.742)	(543.645.623)	-	(9.999.651.365)
30/06/2025	6.251.434.979	5.427.853.537	1.023.889.640	259.767.639	12.962.945.795
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	14.488.161.252	4.914.154.197	2.662.029.214	-	22.064.344.663
30/06/2025	14.068.779.348	2.383.930.611	2.289.028.542	-	18.741.738.501

- Nguyên giá tài sản cổ định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là: 3.312.049.779 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 8.200.644.831 đồng)

- Giá trị còn lại của TSCD hữu hình đã dùng thể chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/06/2025 là: 14.068.779.348 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 18.393.908.309 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA

Tổ dân phố Minh Quyết, Phường Vĩnh Phúc,

Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025

đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	24.394.312.308	24.394.312.308	19.546.583.037	19.546.583.037
- Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát	7.287.780.000	7.287.780.000	1.016.766.046	1.016.766.046
- Công ty CP Hòa bình Takara	1.551.822.000	1.551.822.000	-	-
- Công ty TNHH CEN Việt Nam	1.122.940.000	1.122.940.000	1.402.500.000	1.402.500.000
- Công ty TNHH Khoa Học Kỹ Thuật Công Nghiệp Sun Beam Việt Nam	439.500.000	439.500.000	639.500.000	639.500.000
- Công ty Cổ Phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	13.238.521.980	13.238.521.980	13.238.521.980	13.238.521.980
- Công ty TNHH CEN TECH	-	-	1.172.940.000	1.172.940.000
- Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Trung Sơn	-	-	925.010.000	925.010.000
- Đối tượng khác	753.748.328	753.748.328	1.151.345.011	1.151.345.011
	24.394.312.308	24.394.312.308	19.546.583.037	19.546.583.037
Phải trả người bán là các bên liên quan	20.526.301.980	20.526.301.980	14.255.288.026	14.255.288.026

(Chi tiết tại thuyết minh số 27)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Số phải nợ trong kỳ		Số đã nợ trong kỳ		30/06/2025	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-		148.343		148.343		-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.104.439.016		412.283.474		-		1.516.722.490	
- Thuế thu nhập cá nhân	-		39.068.112		25.823.641		13.244.471	
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	128.473.382		270.328.000		128.473.382		270.328.000	
- Các loại thuế khác	-		3.000.000		3.000.000		-	
	1.232.912.398		724.827.929		157.445.366		1.800.294.961	
	01/01/2025		Số được khấu trừ trong kỳ		Số đã khấu trừ		30/06/2025	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế và các khoản phải thu								
- Thuế thu nhập cá nhân	374.263		-		374.263		-	
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.395.735		-		-		1.395.735	
	1.769.998		-		374.263		1.395.735	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	30/06/2025		Trong kỳ				01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng		
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND		
Vay và nợ ngắn hạn	43.197.204.151	43.197.204.151	55.613.596.416	73.636.015.762	61.219.623.497	61.219.623.497		
Vay ngắn hạn	42.677.506.206	42.677.506.206	55.360.454.321	72.860.598.912	60.177.650.797	60.177.650.797		
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc (1)	8.901.455.596	8.901.455.596	18.980.403.711	34.263.918.987	24.184.970.872	24.184.970.872		
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Tiên Phong (2)	5.791.000.000	5.791.000.000	5.791.000.000	9.134.120.000	9.134.120.000	9.134.120.000		
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (3)	9.993.290.000	9.993.290.000	10.395.290.000	11.851.372.400	11.449.372.400	11.449.372.400		
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng Quân đội MBank - Chi nhánh Mỹ Đình	-	-	-	844.202.525	844.202.525	844.202.525		
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng Shinhan (4)	8.599.292.750	8.599.292.750	8.599.292.750	8.599.485.000	8.599.485.000	8.599.485.000		
- Vay ngắn hạn VND Ngân hàng TMCP phát triển TP HCM – Chi nhánh Hà Nội (5)	9.392.467.860	9.392.467.860	9.392.467.860	5.965.500.000	5.965.500.000	5.965.500.000		
- Ông Trần Đăng Công	-	-	2.202.000.000	2.202.000.000	-	-		
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	519.697.945	519.697.945	253.142.095	775.416.850	1.041.972.700	1.041.972.700		
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	-	-	439.000.000	439.000.000	439.000.000		
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (6)	519.697.945	519.697.945	253.142.095	336.416.850	602.972.700	602.972.700		
Vay và nợ dài hạn	182.083.900	182.083.900	-	253.142.095	435.225.995	435.225.995		
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội (6)	182.083.900	182.083.900	-	253.142.095	435.225.995	435.225.995		
	43.379.288.051	43.379.288.051	55.613.596.416	73.889.157.857	61.654.849.492	61.654.849.492		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Theo Hợp đồng vay hạn mức số 01.300113395/2024-HĐCVHM/NHCT246-PGN ngày 28/06/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng, lãi suất thả nổi, mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 28/06/2024 đến ngày 28/06/2025. Thời hạn cho vay: được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng.

Số dư của khoản vay tại ngày 30/06/2025 là số dư nợ của các Giấy nhận nợ có thời hạn 06 tháng và đang trong hạn. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- + Nhà xưởng, nhà điều hành, các công trình xây dựng trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 549025 đứng tên Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với tổng giá trị là 14.068.779.348 đồng;
 - + 3.000 trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2020 với tổng giá trị là 300.000.000 đồng;
 - + 3.000 trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2023 với tổng giá trị là 300.000.000 đồng.
- (2) Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 471/2024/HDTD/TTKD HO ngày 16/12/2024 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 35 tỷ đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày 16/12/2024, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động thương mại hạt nhựa, hóa chất công nghiệp, chất phụ gia. Biện pháp đảm bảo bao gồm hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng với giá trị 1.400.000.000 đồng.
- (3) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-28602-01 ngày 15/10/2024 được ký giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng. Thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng, lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất, buôn bán hóa chất, phụ gia nhựa, thanh toán chi phí lương cho nhân viên công ty. Biện pháp đảm bảo bao gồm ký quỹ và thế chấp bằng các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng với tổng giá trị 5.342.806.806 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(4) Theo Hợp đồng tín dụng số SHBHN/HDTD/790500037395 ngày 13/12/2023 và Hợp đồng gia hạn và sửa đổi số SHBHN/HDTD/790500037395/01 ngày 13/12/2024 giữa Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam và Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa với hạn mức tín dụng 8,6 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng, thời hạn cho vay đối với mỗi khoản vay: không quá 6 tháng (được quy định cụ thể tại từng Đơn rút vốn vay kèm Khế ước nhận nợ), lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tài sản đảm bảo là Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa hoặc Ban giám đốc Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa mở tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam với giá trị 4,1 tỷ đồng.

(5) Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 27361/24MB/HDTD ngày 10/10/2024 giữa Công ty Cổ phần Phụ Gia Nhựa và Ngân hàng TMCP phát triển TP HCM – Chi nhánh Hà Nội với hạn mức tín dụng 15 tỷ đồng. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng. Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng là bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phụ gia nhựa. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM – chi nhánh Hùng Vương – PGD Từ Liêm với tổng giá trị 6,1 tỷ đồng.

(6) Là khoản nợ thuê tài chính giữa CTCP Phụ Gia Nhựa và Công ty cho thuê tài chính MTV Quốc tế Chailease – CN Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số C220530112 ngày 26/05/2022, với giá trị tiền thuê gốc là 321.930.000 đồng, thời hạn cho thuê là 48 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C220543512 ngày 15/08/2022, với giá trị tiền thuê gốc là 944.328.000 đồng, thời hạn cho thuê là 48 tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C221028512 ngày 18/10/2022, với giá trị tiền thuê gốc là 974.462.400 đồng, thời hạn cho thuê là 54 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
 Tổ dân phố Minh Quyết, Phường Vĩnh Phúc,
 Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	39.129.736	46.240.740
- Kinh phí công đoàn	39.129.736	46.240.740
	39.129.736	46.240.740

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	94.648.590.000	84.509.400.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	10.139.190.000
+ Vốn góp cuối kỳ	94.648.590.000	94.648.590.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.139.190.000

17.2 CỔ PHIẾU

	30/06/2025	01/01/2025
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.464.859	9.464.859
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.464.859	9.464.859
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.464.859	9.464.859
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.464.859	9.464.859
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.464.859	9.464.859
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.3 BẢNG ĐỔI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	84.509.400.000	(134.050.000)	6.316.984.134	16.339.225.859	107.031.559.993
- Lãi trong năm trước	-	-	-	755.383.954	755.383.954
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	10.139.190.000	-	-	(10.139.190.000)	-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	470.079.605	(470.079.605)	-
31/12/2024	94.648.590.000	(134.050.000)	6.787.063.739	6.485.340.208	107.786.943.947
01/01/2025	94.648.590.000	(134.050.000)	6.787.063.739	6.485.340.208	107.786.943.947
- Lãi trong kỳ	-	-	-	494.905.186	494.905.186
30/06/2025	94.648.590.000	(134.050.000)	6.787.063.739	6.980.245.394	108.281.849.133

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
Tổ dân phố Minh Quyết, Phường Vĩnh Phúc,
Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng	67.603.606.313	92.724.764.864
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.126.200.000	1.256.290.000
	68.729.806.313	93.981.054.864
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 27)	7.120.657.500	62.848.870.902

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	66.953.902.609	84.970.051.829
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	255.825.929	408.079.127
	67.209.728.538	85.378.130.956

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	691.158.854	424.396.094
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	34.026.739
	691.158.854	458.422.833

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	2.229.424.102	3.195.102.504
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	3.938.264
	2.229.424.102	3.199.040.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	1.100.761.753	1.904.755.484
- Chi phí nhân viên quản lý	271.162.341	657.483.208
- Chi phí vật liệu quản lý	423.604	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	3.124.316	14.250.408
- Thuế phí, lệ phí	45.199.583	53.161.695
- Chi phí khấu hao TSCĐ	218.303.220	219.190.159
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	364.991.571	431.688.715
- Chi phí quản lý khác	197.557.118	528.981.299
Các khoản chi phí bán hàng	7.245.090	408.165.052
- Chi phí khấu hao TSCĐ	358.423	-
- Chi phí nhân viên bán hàng	-	107.217.310
- Chi phí vật liệu, bao bì	-	1.153.934
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.916.667	291.660.932
- Chi phí bán hàng khác	970.000	8.132.876

23. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.769.048.608	-
- Thu nhập khác	3.044	-
	2.769.051.652	-

24. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Các khoản phạt	101.820.701	250.100.848
- Các khoản khác	633.847.975	10.366.027
	735.668.676	260.466.875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Lợi nhuận hoặc lỗ kế toán sau thuế TNDN (VND)	494.905.186	2.434.669.604
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	-
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ (CP)	9.464.859	8.450.940
Số cổ phiếu bình quân phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu (CP)	-	1.013.919
Tổng số cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh (CP)	9.464.859	9.464.859
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	52	257

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.576.362.336	74.716.661.847
- Chi phí nhân công	653.345.016	2.637.912.915
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.458.251.152	2.201.521.943
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	413.464.224	700.472.797
- Chi phí khác bằng tiền	320.091.377	969.941.933
	72.421.514.105	81.226.511.435

27. THÔNG TIN KHÁC

27.1 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	55.360.454.321	69.828.738.328
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	73.299.598.912	67.866.077.192

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Giám đốc kinh doanh của Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát
2	Công ty CP Hóa chất Thăng Long	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Hóa chất Thăng Long
3	Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Công ty CP Phụ gia nhựa là Thành viên HĐQT của Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát; Thành viên HĐQT của Công ty CP Phụ gia nhựa là Chủ tịch HĐQT của Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vạn Lộc Phát
4	Công ty Cổ Phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	Thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Phụ Gia Nhựa (đến ngày 14/06/2025) là Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Nhựa thiếu niên Tiền Phong.
5	Bà Ngô Hoài Thanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
6	Ông Trần Đặng Phi	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 14/06/2025)
7	Ông Chu Văn Phương	Thành viên Hội đồng Quản trị
8	Ông Trần Đặng Công	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
9	Ông Trần Tuấn Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 14/06/2025)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

		Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
		VND	VND
Ban Tổng Giám đốc điều hành		195.171.035	288.565.944
- Ông Trần Đặng Công	Tổng Giám đốc	99.990.946	93.786.967
- Ông Nguyễn Trọng Cường	Phó Tổng Giám đốc	-	93.276.640
- Bà Dương Thị Hải Hà	Giám đốc sản xuất	95.180.089	101.502.337

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
Tổ dân phố Minh Quyết, Phường Vĩnh Phúc,
Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu với các bên liên quan	7.120.657.500	62.848.870.902
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	5.511.982.500	43.140.889.376
- Công ty Cổ phần Hoá chất Thăng Long	297.700.000	961.600.000
- Công ty CP ĐTTM và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	1.310.975.000	18.746.381.526
Chuyển nhượng cổ phần với bên liên quan	67.109.110.000	-
- Ông Trần Đặng Công	32.425.820.000	-
- Ông Chu Văn Phương	26.582.160.000	-
- Bà Ngô Hoài Thanh	4.000.000.000	-
- Ông Trần Đặng Phi	3.000.000.000	-
- Ông Trần Tuấn Nghĩa	1.101.130.000	-
Mua hàng từ các bên liên quan	38.702.689.500	44.591.821.000
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	24.158.489.500	12.980.031.000
- Công ty Cổ phần Hóa chất Thăng Long	-	89.390.000
- Công ty CP ĐTTM và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	14.544.200.000	31.522.400.000
Vay bên liên quan	2.202.000.000	4.650.000.000
- Ông Trần Đặng Công	2.202.000.000	3.050.000.000
- Ông Chu Văn Phương	-	1.600.000.000
Trả gốc vay bên liên quan	2.202.000.000	1.600.000.000
- Ông Trần Đặng Công	2.202.000.000	-
- Ông Chu Văn Phương	-	1.600.000.000
Lãi vay đã trả bên liên quan	547.010.862	65.201.222
- Ông Trần Đặng Công	317.965.588	26.785.778
- Ông Chu Văn Phương	229.045.274	38.415.444

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng	71.983.830.000	14.584.858.713
- Công ty TNHH Hoá chất Hồng Phát	4.842.320.000	-
- Công ty CP Hoá chất Thăng Long	32.400.000	84.564.000
- Công ty CP ĐTTM và Dịch vụ Vạn Lộc Phát	-	14.500.294.713
- Ông Trần Đặng Công	32.425.820.000	-
- Ông Chu Văn Phương	26.582.160.000	-
- Bà Ngô Hoài Thanh	4.000.000.000	-
- Ông Trần Đặng Phi	3.000.000.000	-
- Ông Trần Tuấn Nghĩa	1.101.130.000	-
Phải trả người bán	20.526.301.980	14.255.288.026
- Công ty TNHH Hóa chất Hồng Phát	7.287.780.000	1.016.766.046
- Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong	13.238.521.980	13.238.521.980

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤ GIA NHỰA
Tổ dân phố Minh Quyết, Phường Vĩnh Phúc,
Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét.

Phú Thọ, ngày 14 tháng 08 năm 2025


Tổng Giám đốc
Trần Đặng Công

Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nga

Người lập biểu



Nguyễn Thị Nga